

Số: 312 /QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về Quản lý các Dự án Sản xuất thử nghiệm
cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam**

CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 18/6/2013;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VHL ngày 01/01/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc Quản lý các Dự án Sản xuất thử nghiệm cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2408/QĐ-VHL ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy định về việc Quản lý các Dự án Sản xuất thử nghiệm cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm;
- Website của Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, UDTKCN.LH.70

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chu Hoàng Hà

QUY ĐỊNH

Về Quản lý các Dự án Sản xuất thử nghiệm cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số **312** /QĐ-VHL ngày **02/3/2023**
của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Đây là quy định về việc quản lý Dự án Sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là Dự án) cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện Hàn lâm) bao gồm các nội dung: Xác định Dự án, tuyển chọn đơn vị, cá nhân chủ trì thực hiện Dự án, phê duyệt, kiểm tra đánh giá nghiệm thu, quản lý sản phẩm của Dự án, xử lý tài sản và thanh quyết toán kinh phí.

2. Quy định được áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm, các cá nhân tham gia thực hiện Dự án và các đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dự án Sản xuất thử nghiệm là nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) được quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật khoa học và công nghệ, nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội (KT-XH) hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất.

2. Đề xuất đặt hàng Dự án là các yêu cầu đặt ra cho KH&CN dưới dạng nhiệm vụ KH&CN nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn nhằm phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển KH&CN cho các ngành, lĩnh vực do các tổ chức đề xuất với Viện Hàn lâm để đặt hàng các đơn vị trực thuộc và cá nhân thực hiện. Dự án đặt hàng bao gồm tên gọi và các mục thể hiện yêu cầu cơ bản đối với Dự án, làm căn cứ để Viện Hàn lâm đặt hàng cho đơn vị trực thuộc và cá nhân là cán bộ của

Viện Hàn lâm có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Thời gian thực hiện tại đơn vị: Là thời gian thực hiện các nội dung công việc theo thuyết minh của Dự án tại đơn vị.

4. Thời gian hoàn tất thủ tục: Là thời gian để hoàn thiện sản phẩm, hoàn tất các thủ tục nghiệm thu cấp Viện Hàn lâm, xử lý tài sản, quyết toán kinh phí thực hiện Dự án và thanh lý hợp đồng thực hiện Dự án.

5. Hội đồng tuyển chọn: Là hội đồng tư vấn về KH&CN cấp Viện Hàn lâm để tuyển chọn các Dự án đặt hàng.

6. Hội đồng đánh giá: Là hội đồng tư vấn về KH&CN cấp Viện Hàn lâm để đánh giá nội dung khoa học thuyết minh Dự án.

7. Hội đồng thẩm định tài chính: Là hội đồng tư vấn về tài chính có nhiệm vụ thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Dự án.

8. Tự đánh giá: Là quá trình đơn vị chủ trì Dự án tổ chức tự đánh giá kết quả đạt được của Dự án.

9. Nghiệm thu cấp Viện Hàn lâm: Là quá trình Viện Hàn lâm tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả đạt được của Dự án.

10. Hội đồng tự đánh giá: Là hội đồng tư vấn về KH&CN của đơn vị chủ trì Dự án để đánh giá kết quả thực hiện của Dự án.

11. Hội đồng nghiệm thu: Là hội đồng tư vấn về KH&CN cấp Viện Hàn lâm để đánh giá kết quả thực hiện của các Dự án.

Điều 3. Yêu cầu thực hiện Dự án

1. Dự án cần đáp ứng các yêu cầu về KH&CN sau:

a) Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN có xuất xứ từ một trong các điều kiện sau:

- Sản phẩm KH&CN được cấp bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp), quyết định về giống cây trồng, vật nuôi, quyền tác giả hoặc Quyết định Chấp nhận đơn đăng ký về sở hữu công nghiệp, giống con; giống cây được công nhận cho sản xuất thử nghiệm...

- Sản phẩm KH&CN được tặng giải thưởng KH&CN, giải thưởng tại hội thi sáng tạo, hội chợ công nghệ quốc gia;

- Kết quả nhiệm vụ nghiên cứu đã được nghiệm thu;

- Kết quả KH&CN ở nước ngoài đã được tổ chức có thẩm quyền thẩm định và công nhận đủ điều kiện triển khai sản xuất thử, đồng thời được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền khai thác và sử dụng (tránh vi phạm sở hữu trí tuệ).

b) Sản phẩm đầu ra Dự án phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN đảm bảo tính ổn định cấp quy mô sản xuất thử nghiệm và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc triển khai cấp quy mô sản xuất công nghiệp;

- Có tiềm năng thị trường tiêu thụ.

- Ngoài các sản phẩm cụ thể nêu trên, Dự án phải có một trong các sản phẩm bắt buộc sau:

- + Có công trình công bố quốc tế;

- + Có Quyết định Chấp nhận đơn đăng ký về sở hữu công nghiệp, giống con; giống cây được công nhận cho sản xuất thử nghiệm...

2. Dự án có khả năng huy động được kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài NSNN (Các nguồn tài trợ, viện trợ và nguồn thu hợp pháp của đơn vị trực thuộc chủ trì Dự án), đáp ứng theo yêu cầu cụ thể:

a) NSNN do Viện Hàn lâm cấp tối đa đến 30% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện Dự án (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện Dự án);

b) NSNN do Viện Hàn lâm cấp tối đa đến 50% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện Dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, Dự án triển khai tại địa bàn có điều kiện KT - XH khó khăn theo quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) NSNN do Viện Hàn lâm cấp tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện Dự án trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện KT - XH khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tổ chức và cá nhân chủ trì Dự án, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học và chuyên gia phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đối với tổ chức đăng ký chủ trì:

- Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Viện Hàn lâm;

- Có đủ năng lực về cơ sở vật chất, nhân lực, khả năng triển khai, phối hợp nghiên cứu và ứng dụng kết quả của Dự án vào sản xuất;

- Không trong diện "*Tổ chức chủ trì chưa thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước*" (Khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài

chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước).

b) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm Dự án:

- Là người lao động (trong biên chế) thuộc Viện Hàn lâm, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác đối với người có trình độ thạc sĩ trở lên và ít nhất 05 năm đối với người có trình độ đại học; hoặc nhà khoa học có trình độ tiến sĩ đã ký hợp đồng lao động tại đơn vị đăng ký chủ trì Dự án trên 3 năm tính đến thời điểm nộp đề xuất, đồng thời đơn vị chủ trì Dự án cam kết ký hợp đồng lao động với cá nhân chủ nhiệm hết thời gian thực hiện Dự án;

- Là chủ trì hoặc tham gia chính nhiệm vụ KH&CN là xuất xứ của Dự án; hoặc là tác giả trong bằng Độc quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyết định về giống cây trồng, vật nuôi, quyền tác giả hoặc Quyết định Chấp nhận đơn đăng ký về sở hữu công nghiệp, giống con; giống cây được công nhận cho sản xuất thử nghiệm... hoặc được sự ủy quyền của tác giả trong các văn bằng sở hữu trí tuệ của ý tưởng đưa vào sản xuất thử nghiệm;

- Đang không học tập hay công tác dài hạn ở nước ngoài;

- Không trong diện “Không được giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp Viện Hàn lâm” theo Quy định hiện hành của Viện Hàn lâm;

- Không trong diện “*Chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính và thư ký khoa học tham gia thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức chủ trì chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí cho ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước*” (Khoản 2 Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước) và được đơn vị chủ trì xác nhận.

c) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học và chuyên gia:

- Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện Dự án với chức danh “Thành viên thực hiện chính” hoặc “Thư ký khoa học” cần đảm bảo đáp ứng yêu cầu:

- + Có học vị Kỹ sư/Cử nhân hoặc tương đương trở lên;

- + Có kinh nghiệm trong lĩnh vực KH&CN của Dự án đăng ký thực hiện.

- Cá nhân được mời tham gia thực hiện Dự án với tư cách “Chuyên gia” phải có học vị Tiến sĩ, tính đến thời điểm đăng ký thực hiện Dự án phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực KH&CN được mời tham gia; có ít nhất 01 công trình công bố chất lượng cao/bằng độc quyền sáng chế/bằng độc quyền Giải pháp hữu ích thuộc lĩnh vực KH&CN của Dự án. Chuyên gia do Hội đồng xét chọn xem xét quyết định.

4. Doanh nghiệp hoặc tổ chức KH&CN tham gia thực hiện Dự án đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có Giấy phép hoạt động hoặc đăng ký kinh doanh còn hiệu lực tại thời

điểm đăng ký thực hiện Dự án;

b) Có đơn đăng ký với Viện Hàn lâm về việc tham gia thực hiện Dự án;

c) Có cam kết và thực hiện góp vốn đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này;

d) Có cam kết cho vay vốn của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực.

Điều 4. Phương thức triển khai và thời gian thực hiện Dự án

1. Phương thức triển khai

a) Dự án được triển khai theo hình thức đặt hàng hoặc tuyển chọn và giao trực tiếp. Dự án có Chủ nhiệm, không có đồng chủ nhiệm và phó chủ nhiệm Dự án;

b) Dự án áp dụng phương thức khoán chi từng phần hoặc khoán chi đến sản phẩm cuối cùng theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính về Quy định về quyết toán Dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

2. Mã số của Dự án được ghi theo quy định hiện hành của Viện Hàn lâm.

3. Thời gian thực hiện Dự án không quá 30 tháng tính từ khi được phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện; trong đó không quá 24 tháng để Đơn vị chủ trì, Chủ nhiệm triển khai Dự án tại đơn vị và không quá 06 tháng để cơ quan quản lý tiến hành các thủ tục đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả, xử lý tài sản và thanh quyết toán kinh phí.

Trường hợp đặc biệt có thời gian thực hiện Dự án trên 30 tháng do Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (gọi tắt là Chủ tịch Viện) quyết định.

Điều 5. Nguyên tắc xây dựng đề xuất Dự án

1. Các căn cứ xây dựng đề xuất đặt hàng Dự án:

a) Theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền trong các lĩnh vực KH&CN phù hợp với chiến lược phát triển của Viện Hàn lâm;

b) Đề xuất của các đơn vị và cá nhân thuộc Viện Hàn lâm phù hợp với yêu cầu trong khoản 1, Điều 3, Chương I của Quy định này;

c) Theo yêu cầu đặt hàng của Chủ tịch Viện.

2. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng Dự án:

a) Nguyên tắc chung:

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (bao gồm nguồn nhân lực, hệ thống phòng thí nghiệm, thiết bị và kinh phí) nhằm hướng tới tạo sản phẩm KH&CN;

- Ưu tiên đầu tư cho các Dự án hướng tới sản phẩm đỉnh cao, đạt trình độ quốc tế và đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của xã hội;

- Kết hợp triển khai Dự án với bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, phát triển đội ngũ nhà khoa học đầu ngành;
- Kết hợp chặt chẽ Dự án với hoạt động đổi mới sáng tạo trong Viện Hàn lâm.

b) Nguyên tắc cụ thể:

- Dự án phải có khả năng về thị trường: Các ngành KT - XH có nhu cầu đối với sản phẩm của Dự án; sản phẩm của Dự án có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả với sản phẩm cùng loại trên thị trường; thay thế sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài hoặc có khả năng xuất khẩu. Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (có phương án liên kết tiêu thụ, chuyển giao, thương mại hoá các sản phẩm của Dự án);
 - Công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra có tính mới, tiên tiến hơn so với sản phẩm hoặc công nghệ hiện có ở Việt Nam hoặc có khả năng thay thế nhập khẩu;
 - Sản phẩm của Dự án có khả năng áp dụng rộng rãi để tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng;
 - Có phương án phân chia quyền lợi về: Tài sản là kết quả thực hiện Dự án gồm tài sản hữu hình, tài sản vô hình...giữa đơn vị chủ trì Dự án và đơn vị tham gia góp vốn đối ứng thực hiện Dự án;
 - Có kế hoạch cụ thể về xử lý tài sản kết quả thực hiện Dự án theo quy định hiện hành.
3. Việc tổ chức xác định Dự án được tổ chức định kỳ hàng năm theo quy định của Viện Hàn lâm. Trường hợp đột xuất cấp bách do Chủ tịch Viện chỉ đạo thực hiện.

Chương II

ĐỀ XUẤT, TUYỂN CHỌN DANH MỤC DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP VIỆN HÀN LÂM

Điều 6. Đề xuất Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Viện Hàn lâm

1. Hàng năm, Viện Hàn lâm thông báo bằng văn bản đến các đơn vị trực thuộc về việc đề xuất Dự án, gồm các nội dung:

a) Gửi các đề xuất đặt hàng Dự án từ các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN với Viện Hàn lâm sau khi được Chủ tịch Viện cho phép làm căn cứ đề xuất Dự án của các Đơn vị, cá nhân có khả năng thực hiện;

b) Nhận các đề xuất của đơn vị, cá nhân.

Hồ sơ gồm:

- Phiếu Đề xuất Dự án (có kèm theo Bản sao đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp và văn bản minh chứng về Xuất xứ Dự án) (mẫu 01, Phụ lục);

- Văn bản cam kết đối ứng nguồn kinh phí thực hiện các nội dung của Dự án từ Doanh nghiệp.

Phiếu đăng ký đề xuất Dự án của các đơn vị và cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Viện Hàn lâm qua Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ (viết tắt là Ban UD&TKCN) theo thời hạn của thông báo.

2. Ban UD&TKCN tổng hợp các phiếu đăng ký đề xuất, rà soát tính hợp lệ và lập Danh mục đề xuất Dự án (mẫu 05, Phụ lục).

Điều 7. Xác định danh mục Dự án

1. Trên cơ sở phân loại các đề xuất Dự án, Ban UD&TKCN lập Danh sách các đề xuất Dự án hợp lệ và lập hồ sơ trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN tuyển chọn các Dự án đặt hàng (mẫu 02, Phụ lục).

2. Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn Danh mục Dự án ít nhất 09 thành viên. Các thành viên của Hội đồng tư vấn gồm các nhà khoa học thuộc Viện Hàn lâm, trong đó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Viện Hàn lâm; Ban UD&TKCN cử cán bộ là Thư ký Hội đồng (khoa học và hành chính).

3. Hồ sơ được gửi đến các thành viên Hội đồng trước khi họp, gồm:

- a) Phiếu đề xuất Dự án của các tổ chức, cá nhân hợp lệ;
- b) Danh mục các đề xuất Dự án;
- c) Phiếu nhận xét, đánh giá (mẫu 03, Phụ lục).

4. Phiên họp Hội đồng tư vấn phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu hồ sơ do Ban UD&TKCN cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá (tính cấp thiết, tính mới, khả năng không trùng lặp, tính khả thi và khả năng ứng dụng) và dự kiến cho điểm đề xuất của các Dự án (Mẫu 04, Phụ lục);

b) Các thành viên Hội đồng tư vấn có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới và kết luận thống nhất về: Tên, mục tiêu, sản phẩm cần đạt, thời gian thực hiện, dự kiến mức kinh phí, đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm Dự án, đơn vị góp vốn đối ứng cho các đề xuất Dự án dự kiến đặt hàng.

5. Dự án được đưa vào Danh mục đề xuất đặt hàng trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm phê duyệt được chọn theo điểm số trung bình từ cao xuống thấp. Các Đề xuất Dự án phải có số điểm bình quân khi đạt điểm trung bình trên 70 điểm mới được đưa vào danh sách trúng tuyển. Tổng số hồ sơ đăng ký trúng tuyển không vượt quá số lượng Dự án mở mới.

Điều 8. Phê duyệt danh mục Dự án

1. Sau khi có kết quả làm việc của Hội đồng tuyển chọn đề xuất Dự án đặt hàng, Ban UD&TKCN trình Chủ tịch Viện quyết định phê duyệt Danh mục Dự án đặt hàng (mẫu 06, Phụ lục) theo thứ tự điểm xét duyệt của Hội đồng từ cao xuống thấp. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Viện tổ chức lấy ý kiến tư vấn

chuyên gia độc lập về đề xuất Dự án hoặc Danh mục Dự án do Hội đồng tư vấn đề nghị trước khi ra quyết định.

a) Chủ tịch Viện quyết định phê duyệt Danh mục các Dự án gồm: Tên, mã số Dự án, mục tiêu, sản phẩm cần đạt, thời gian thực hiện, dự kiến mức kinh phí, đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm Dự án, đơn vị góp vốn đối ứng;

b) Quyết định phê duyệt được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Viện Hàn lâm.

2. Ban UĐ&TKCN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả xác định đề xuất Dự án đặt hàng và hướng dẫn Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm xây dựng thuyết minh thực hiện Dự án.

Chương III **PHÊ DUYỆT DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP VIỆN HÀN LÂM**

Điều 9. Hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án:

Được xây dựng thành 02 quyển: i) Quyển Hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án và ii) Quyển Kế hoạch triển khai Dự án.

1. Quyển Hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án (mẫu 07, Phụ lục) gồm có:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Dự án (mẫu 08, Phụ lục);

b) Thuyết minh Dự án (mẫu 09, Phụ lục);

c) Bản Thỏa thuận phân chia tài sản khi kết thúc Dự án giữa Đơn vị chủ trì/cá nhân chủ nhiệm và đối tác tham gia đối ứng;

d) Hồ sơ của doanh nghiệp/tổ chức KH&CN tham gia Dự án gồm:

- Giấy phép hoạt động hoặc đăng ký kinh doanh còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký thực hiện Dự án;

- Đơn đăng ký với Viện Hàn lâm về việc tham gia thực hiện Dự án;

- Cam kết và thực hiện góp vốn đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này;

- Cam kết cho vay vốn của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực.

e) Tóm tắt hoạt động KH&CN của đơn vị chủ trì (mẫu 10, Phụ lục) Phụ lục);

g) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và thư ký đăng ký thực hiện (Mẫu 11, Phụ lục);

h) Văn bản xác nhận có đủ điều kiện làm chủ nhiệm Dự án (Mẫu số 12, Phụ lục).

i) Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu (Mẫu số 13, Phụ lục) (nếu có).

k) Minh chứng xuất xứ của Dự án.

l) Các tài liệu khác (nếu có).

Viện Hàn lâm có thể yêu cầu đơn vị chủ trì và doanh nghiệp/tổ chức KH&CN tham gia cung cấp thêm các tài liệu để đảm bảo tính khả thi của Dự án nếu thấy cần thiết.

2. Quyền Kế hoạch triển khai Dự án, gồm có:

a) Kế hoạch triển khai Dự án (Mẫu số 09a, Phụ lục).

b) Lý lịch khoa học của các cá nhân đăng ký thành viên thực hiện chính (Mẫu 11, Phụ lục);

c) Lý lịch khoa học của chuyên gia kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (nếu có thuê chuyên gia nước ngoài);

d) Minh chứng cơ sở dự toán, các tài liệu khác (nếu có).

Viện Hàn lâm ủy quyền cho đơn vị chủ trì phê duyệt Quyền Kế hoạch triển khai Dự án và nộp đến Viện Hàn lâm cùng cuốn Hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án.

3. Nộp hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án:

a) Hồ sơ đăng ký gồm một (01) bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 09 bộ photocopy trình bày, in trên khổ giấy A4;

b) Hồ sơ bên ngoài ghi rõ: Tên Dự án; tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia đối ứng, phối hợp thực hiện (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp); tên của doanh nghiệp, tổ chức KH&CN hợp tác trong Dự án, họ và tên của cá nhân đăng ký chủ trì Dự án; danh mục tài liệu; văn bản có trong hồ sơ;

4. Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo thông báo của Viện Hàn lâm. Ngày nhận hồ sơ được tính là ngày ghi ở dấu của bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc Giấy biên nhận của Ban UD&TKCN (Mẫu số 14, Phụ lục). Khi chưa hết thời hạn nộp hồ sơ, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ, thay hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 10. Mở và kiểm tra xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký thực hiện thực hiện Dự án

1. Mở kiểm tra hồ sơ đăng ký Dự án

a) Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký, Ban UD&TKCN tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị

theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 9, Điểm 1 Điều 10 của Quy định này;

c) Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản (Mẫu số 15, Phụ lục).

2. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 9 của Quy định này. Các hồ sơ hợp lệ kèm theo biên bản mở hồ sơ được Ban UD&TKCN trình Lãnh đạo Viện ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xét giao trực tiếp đánh giá nội dung khoa học thuyết minh Dự án (gọi tắt là Hội đồng đánh giá).

Điều 11. Hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án

1. Chủ tịch Viện ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá (Mẫu số 16, Phụ lục). Hội đồng ít nhất 09 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần), hai thành viên là ủy viên phân biện, các thành viên khác, ủy viên thư ký khoa học. Các thành viên Hội đồng là người có chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành KH&CN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu và triển khai của Dự án; các thành viên là đại diện của cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức có liên quan.

a) Các ủy viên phân biện đã tham gia Hội đồng tuyển chọn đề xuất Dự án đặt hàng được ưu tiên mời tham gia Hội đồng đánh giá đối với các Dự án tương ứng;

b) Ban UD&TKCN cử thư ký (khoa học và hành chính) giúp việc cho Hội đồng đánh giá.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng thẩm định:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện Dự án;

b) Cá nhân là người thân trực tiếp (bố, mẹ, vợ/chồng, con) với chủ nhiệm Dự án;

3. Các thành viên Hội đồng đánh giá thực hiện đánh giá độc lập, trung thực, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình (Mẫu số 17, Phụ lục). Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá.

4. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch và ít nhất 01 ủy viên phân biện. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng; Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp (nếu có).

5. Chủ nhiệm Dự án trực tiếp báo cáo thuyết minh Dự án tại phiên họp của Hội đồng và chịu trách nhiệm trình ra Hội đồng đánh giá những hồ sơ, tài liệu có liên quan khi Hội đồng đánh giá yêu cầu trình bày những nội dung đã chuẩn bị cho đề cương thực hiện Dự án

6. Hội đồng thẩm định đánh giá, chấm điểm độc lập từng hồ sơ theo các nhóm tiêu chí và thang điểm quy định (Mẫu số 18, Phụ lục). Biên bản tổng hợp

đánh giá hồ sơ (Mẫu số 20, Phụ lục).

7. Hội đồng thông qua Biên bản về kết quả làm việc (Mẫu số 19, Phụ lục), ghi rõ kết luận về việc đề nghị Chủ tịch Viện cho phép triển khai Dự án và kiến nghị của Hội đồng đánh giá về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh Dự án, các sản phẩm KH&CN chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; số lượng công lao động cho các nội dung Dự án, số lượng chuyên gia cần thiết để tham gia thực hiện (nếu có); phương thức khoán chi (khoán đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần) và các điểm cần lưu ý chỉnh sửa khác trong nội dung thuyết minh Dự án. Biên bản họp Hội đồng đánh giá có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng.

8. Kết quả họp Hội đồng đánh giá được Ban UD&TKCN thông báo cho đơn vị, cá nhân đăng ký Dự án sau khi kết thúc phiên họp. Đơn vị, cá nhân được đề nghị thực hiện Dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng kèm bản giải trình (Mẫu số 21, Phụ lục) trong thời hạn 15 ngày sau khi họp Hội đồng đánh giá và gửi đến Viện Hàn lâm qua Ban UD&TKCN để trình Lãnh đạo Viện cho phép thẩm định kinh phí sau khi đã rà soát các nội dung chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng đánh giá.

Điều 12. Hội đồng thẩm định kinh phí

1. Lãnh đạo Viện Hàn lâm quyết định thành lập Hội đồng thẩm định kinh phí Dự án (gọi tắt là Hội đồng thẩm định) nhằm xem xét đánh giá đề xuất kinh phí của Dự án theo quy định hiện hành của Viện Hàn lâm.

Chủ tịch Viện giao Ban Kế hoạch - Tài chính chủ trì, có sự tham gia của Ban UD&TKCN.

2. Hội đồng thẩm định thảo luận dự toán kinh phí của Dự án với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chỉ tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tổng kinh phí ngân sách thực hiện Dự án sau khi thẩm định tài chính không vượt quá kinh phí dự kiến, trường hợp kinh phí tăng vượt dự kiến, Hội đồng thẩm định báo cáo Chủ tịch Viện xem xét, quyết định.

3. Ban Kế hoạch - Tài chính thông báo đến Đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm Dự án về các kết luận của Hội đồng thẩm định.

Điều 13. Phê duyệt Dự án và ký hợp đồng khoa học và công nghệ

1. Sau 15 ngày kể từ khi nhận được Biên bản họp Hội đồng thẩm định tài chính, Đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nộp Hồ sơ Dự án hoàn thiện bao gồm cả hồ sơ đã được chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng thẩm định tài chính và bản giải trình các ý kiến của Hội đồng đến Viện Hàn lâm qua ban UD&TKCN.

Trường hợp Hồ sơ Dự án hoàn thiện chậm quá thời hạn nêu trên, chủ nhiệm Dự án, đơn vị chủ trì phải có báo cáo (bằng văn bản) nêu rõ lý do việc chậm trễ; trường hợp lý do không chính đáng Chủ tịch Viện sẽ xem xét hủy, không thực hiện Dự án.

2. Sau khi rà soát Hồ sơ Dự án đã được hoàn thiện theo các yêu cầu nêu trên về tính hợp lệ, Ban UD&TKCN trình Chủ tịch Viện Quyết định phê duyệt: Tên Dự án, đơn vị chủ trì, đơn vị quản lý kinh phí, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí và phương thức khoán chi thực hiện Dự án (Mẫu số 24, Phụ lục).

Trừ trường hợp đặc biệt sẽ do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định, Viện Hàn lâm giao cho đơn vị chủ trì đồng thời làm đơn vị quản lý kinh phí.

3. Ban UD&TKCN có trách nhiệm chuẩn bị Hợp đồng KH&CN thực hiện Dự án theo mẫu quy định của Viện Hàn lâm (Mẫu số 25a/25b, Phụ lục). Chủ tịch Viện giao cho Lãnh đạo Ban UD&TKCN và Lãnh đạo Ban Kế hoạch - Tài chính ký phê duyệt Thuyết minh và Hợp đồng thực hiện Dự án với đơn vị quản lý kinh phí, đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm Dự án.

Chương IV

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP VIỆN HÀN LÂM

Điều 14. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo tiến độ, báo cáo đột xuất; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Dự án

1. Dự án báo cáo tình hình thực hiện trong báo cáo sơ kết 6 tháng và tổng kết năm của đơn vị chủ trì gửi về Viện Hàn lâm;

Dự án gửi báo cáo tiến độ thực hiện (Mẫu 26, Phụ lục) khi kết thúc 12 tháng thực hiện hoặc báo cáo đột xuất khi Viện Hàn lâm yêu cầu.

2. Ban Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm duyệt quyết toán hàng năm của Dự án (theo định kỳ của Viện Hàn lâm) phần NSNN từ Viện Hàn lâm và đánh giá phần kinh phí đối ứng của doanh nghiệp/tổ chức KH&CN tham gia phối hợp thực hiện Dự án.

3. Ban UD&TKCN chủ trì, phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính tổ chức kiểm tra 01 lần trong quá trình thực hiện Dự án theo thông báo của Viện Hàn lâm hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của đơn vị quản lý kinh phí, đơn vị chủ trì Dự án theo Hợp đồng đã ký cũng như phần kinh phí đối ứng của doanh nghiệp/tổ chức KH&CN tham gia phối hợp thực hiện Dự án. Nội dung kiểm tra được lập thành Biên bản (Mẫu số 27, Phụ lục).

a) Trường hợp không thực hiện đúng kế hoạch, sử dụng kinh phí sai mục đích, sai chế độ thì Viện Hàn lâm sẽ xem xét, quyết định đình chỉ và thu hồi kinh phí của Dự án đã sử dụng sai mục đích để nộp ngân sách nhà nước;

b) Trường hợp kinh phí đối ứng từ doanh nghiệp/tổ chức KH&CN không đảm bảo tiến độ, không đúng cam kết trong Thuyết minh, Ban UD&TKCN sẽ trình Chủ tịch Viện dừng cấp kinh phí năm tiếp theo để tìm hướng xử lý.

Điều 15. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện Dự án

1. Điều chỉnh tên, mục tiêu và sản phẩm của Dự án

a) Dự án thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng không được phép điều chỉnh;

b) Dự án thực hiện theo phương thức khoán từng phần do Chủ tịch Viện xem xét quyết định theo tư vấn của Hội đồng chuyên gia từ 5 - 7 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), 2 ủy viên phản biện của Hội đồng đánh giá và các thành viên khác. Ban UD&TKCN cử 02 cán bộ làm thư ký khoa học và thư ký hành chính của Hội đồng.

2. Điều chỉnh nội dung

a) Đối với Dự án thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Thủ trưởng Đơn vị chủ trì Dự án được chủ động điều chỉnh nội dung Dự án và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình;

b) Đối với Dự án thực hiện theo phương thức khoán một phần: Chủ tịch Viện ủy quyền cho Ban UD&TKCN phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính xem xét cho phép điều chỉnh sau khi lấy ý kiến của Hội đồng chuyên gia từ 5 - 7 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có), 2 ủy viên phản biện của Hội đồng đánh giá và các thành viên khác. Ban UD&TKCN cử 02 cán bộ làm thư ký của Hội đồng.

3. Điều chỉnh kinh phí:

a) Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện Dự án được thực hiện theo quy định hiện hành: Đơn vị chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định;

b) Trên cơ sở văn bản đề xuất của đơn vị chủ trì Dự án (Mẫu số 29, Phụ lục), Ban UD&TKCN phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính lập báo cáo trình Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán các khoản kinh phí trong tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (do Viện Hàn lâm quản lý) đã được phê duyệt.

4. Điều chỉnh thời gian: Việc điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án tại đơn vị chỉ được thực hiện 01 lần không quá không quá 12 (mười hai) tháng.

a) Việc gia hạn thời gian thực hiện Dự án tại đơn vị chỉ được xem xét trước khi kết thúc thời gian thực hiện tại đơn vị ít nhất 01 tháng;

b) Trên cơ sở văn bản đề xuất của đơn vị chủ trì Dự án (Mẫu số 28, Phụ lục), Ban UD&TKCN lập báo cáo trình Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định gia hạn thời gian thực hiện tại đơn vị;

c) Trong trường hợp thay đổi thời gian thực hiện Dự án tại đơn vị, Ban UD&TKCN phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính ký Phụ lục Hợp đồng phù hợp.

Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định.

5. Thay đổi chủ nhiệm Dự án được thực hiện trong các trường hợp sau: Đi học tập hoặc công tác dài hạn trên 06 tháng ở nước ngoài; Hoặc bị ốm đau, bệnh tật (có xác nhận của cơ quan y tế) không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu. Chủ nhiệm Dự án mới phải đáp ứng theo các quy định hiện hành. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm Dự án đề xuất bằng văn bản (bao gồm cả đơn đề nghị của Chủ nhiệm Dự án cũ và đồng ý của cá nhân dự kiến Chủ nhiệm thay thế), Chủ nhiệm Dự án mới phải đáp ứng các điều kiện nêu tại khoản 5 Điều 3 Quy định này.

6. Dừng thực hiện Dự án: Dự án phải dừng thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Dự án không thể tiếp tục triển khai do năng lực của chủ nhiệm Dự án, đơn vị chủ trì hoặc đơn vị phối hợp không đảm bảo.

b) Lý do bất khả kháng do tác động của thị trường, thay đổi chính sách pháp luật và nguyên nhân khách quan khác.

Trong các trường hợp này, đơn vị chủ trì phải có văn bản báo cáo Viện Hàn lâm để xem xét quyết định và thu hồi kinh phí. Ban Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Ban UD&TKCN rà soát hồ sơ và tham mưu cho Chủ tịch Viện phương án xử lý.

Điều 16. Tự đánh giá kết quả thực hiện Dự án

1. Tự đánh giá kết quả Dự án: Việc đánh giá kết quả Dự án sẽ do đơn vị chủ trì thực hiện trước khi nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cho Viện Hàn lâm qua Ban UD&TKCN và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Viện về kết quả tự đánh giá. Việc tổ chức tự đánh giá kết quả Dự án cần được thực hiện và hoàn thành chậm nhất trước 1 tháng kết thúc thời gian thực hiện Dự án tại đơn vị. Nội dung tự đánh giá gồm:

a) Đánh giá về Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Dự án: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của Báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng,...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn,...);

b) Đánh giá về sản phẩm của Dự án so với đặt hàng được phê duyệt: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm,...

2. Yêu cầu cần đạt đối với Báo cáo kết quả thực hiện Dự án.

a) Phân tích những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực Dự án để từ đó nêu được hướng giải quyết và những vấn đề mới về KH&CN mà Dự án cần thực hiện;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung Báo cáo là toàn bộ kết quả thực hiện của Dự án được trình bày theo kết cấu hệ thống, lô-gíc, khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể, giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh

trung thực kết quả Dự án phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Phân tích các kết quả và đánh giá tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của Dự án: Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh Dự án, sản phẩm của Dự án cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Những sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với đơn vị chủ trì nhiệm vụ;

b) Sản phẩm là nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành, hoặc tổ chuyên gia do đơn vị chủ trì nhiệm vụ thành lập.

4. Dự án được đánh giá ở mức “Không đạt”, nếu vi phạm một trong những trường hợp sau:

a) Chưa đầy đủ và chưa đạt về số lượng, chủng loại cũng như chất lượng các kết quả, sản phẩm KH&CN chính theo đăng ký;

b) Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;

c) Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí Dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

d) Tự ý sửa đổi mục tiêu và thay đổi thiết kế sản phẩm;

đ) Đối với những Dự án tự đánh giá ở mức “Không đạt”, chủ nhiệm và đơn vị chủ trì kiến nghị Chủ tịch Viện đánh giá Dự án không hoàn thành nhiệm vụ và xem xét xử lý theo các quy định hiện hành.

Điều 17. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu Dự án

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu Dự án bao gồm:

1. Công văn đề nghị Viện Hàn lâm tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án của đơn vị chủ trì (Mẫu số 30, Phụ lục);

2. Báo cáo tổng hợp (Mẫu số 31, Phụ lục); báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Dự án tiếng Việt (Mẫu số 33, Phụ lục), tiếng Anh (Mẫu số 34, Phụ lục);

3. Báo cáo về sản phẩm KH&CN của Dự án;

a) Các tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá, thử nghiệm các sản phẩm của Dự án do các tổ chức có thẩm quyền (phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm đo lường, trung tâm giám định kỹ thuật,...) xác nhận;

b) Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị...), quy trình công nghệ... phải có thẩm định của các Hội đồng đủ thẩm quyền;

c) Số lượng các sản phẩm đã đăng ký trong Hợp đồng.

4. Bản sao Hợp đồng và Thuyết minh Dự án;

5. Quyết định, biên bản họp Hội đồng tự đánh giá Dự án (kèm theo nhận xét - nếu có);

6. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản và đào tạo:

a) Đối với các công bố:

- Công bố có nội dung liên quan tới nội dung nghiên cứu của Dự án;
- Ghi rõ tên hoặc mã số Dự án trong phần cảm ơn;
- Tác giả hoặc đồng tác giả của công bố có tên trong danh sách các cán bộ tham gia thực hiện Dự án.

b) Đối với văn bằng sở hữu trí tuệ:

- Văn bằng có tên, nội dung liên quan tới nội dung nghiên cứu của Dự án;
- Tác giả hoặc đồng tác giả của văn bằng có tên trong danh sách các cán bộ tham gia thực hiện Dự án.

c) Đối với các luận án, luận văn:

- Luận án, luận văn có nội dung liên quan tới nội dung nghiên cứu Dự án;
- Cán bộ hướng dẫn hoặc người thực hiện luận án, luận văn có tên trong danh sách các cán bộ tham gia thực hiện Dự án;
- Đối với trường hợp đào tạo Thạc sĩ: Có quyết định công nhận danh hiệu Thạc sĩ;
- Đối với trường hợp hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ: Có quyết định công nhận Nghiên cứu sinh với tên Luận án và Giáo viên hướng dẫn.

7. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của Dự án (tổng kinh phí được duyệt bao gồm phần cấp của Viện Hàn lâm và đối ứng của doanh nghiệp/tổ chức KH&CN phối hợp - Mẫu số 35, Phụ lục);

8. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện Dự án (Mẫu số 32, Phụ lục);

9. Hồ sơ đề xuất Phương án nhận giao quyền (Hướng dẫn theo Công văn số 2876/VHL-KHTC ngày 30/12/2022 của Viện Hàn lâm về hướng dẫn xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước tại Viện Hàn lâm.

10. Các tài liệu khác (nếu có):

a) Công văn (hoặc Quyết định) gia hạn thực hiện Dự án của Viện Hàn lâm;

b) Giải trình của Chủ nhiệm Dự án có xác nhận của Thủ trưởng tổ chức và Hội đồng khoa học (trường hợp nộp hồ sơ muộn hơn 03 tháng sau khi kết thúc

thời gian thực hiện Dự án tại đơn vị);

c) Tài liệu khác liên quan (nếu có)...

Điều 18. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án

1. Thời hạn nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Viện Hàn lâm: Sau 01 tháng từ thời điểm kết thúc thời gian thực hiện tại đơn vị hoặc thời điểm được gia hạn thời gian thực hiện tại đơn vị (nếu có).

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ban UD&TKCN gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 01 bản điện tử lưu trữ đầy đủ sản phẩm và các báo cáo chuyên đề của hồ sơ (dạng PDF).

3. Ban UD&TKCN xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định, Ban UD&TKCN thông báo cho đơn vị chủ trì bằng văn bản.

4. Đối với hồ sơ đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 17 của Quy định này, Ban UD&TKCN trình Chủ tịch Viện quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu Dự án (sau đây gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu).

Điều 19. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án

1. Hội đồng nghiệm thu Dự án do Lãnh đạo Viện ký Quyết định thành lập (Mẫu 37, Phụ lục), gồm:

a) Hội đồng có 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch (nếu cần), 02 ủy viên phản biện và các ủy viên; trong đó bao gồm thành viên là các nhà khoa học chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành KH&CN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN và thành viên là từ cơ quan quản lý, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực của Dự án;

Ban UD&TKCN cử cán bộ làm thư ký (khoa học và hành chính) cho Hội đồng.

b) Tổ kiểm tra sản phẩm Dự án gồm 03 thành viên: Tổ trưởng là chuyên gia có uy tín và chuyên môn sâu về lĩnh vực của Dự án (ưu tiên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện của Hội đồng nghiệm thu), các thành viên là lãnh đạo Ban UD&TKCN, chuyên gia có kinh nghiệm, lĩnh vực công tác phù hợp.

2. Trước khi tổ chức họp Hội đồng, Tổ tiến hành kiểm tra thực tế các sản phẩm đã đăng ký của Dự án theo Hợp đồng đã ký kết, bao gồm:

- a) Sản phẩm công nghệ: Theo số lượng sản phẩm đăng ký;
- b) Quy trình thiết bị/công nghệ;
- c) Khu vực tiến hành sản xuất (vùng nguyên liệu, nhà máy...);
- d) Các sản phẩm khác.

- Tổ kiểm tra có trách nhiệm lập báo cáo về các sản phẩm của Dự án tới

Chủ tịch Hội đồng;

- Trên cơ sở hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng quyết định tiến hành phiên họp, thời gian hoàn thành nghiệm thu không quá 30 ngày sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng.

3. Sau khi nhận được phiếu đánh giá của các thành viên, Hội đồng chỉ họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có sự tham gia của Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được uỷ quyền khi Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) và ít nhất 01 ủy viên phản biện (Ủy viên phản biện đánh giá Dự án không đạt nhất thiết phải có mặt tại phiên họp).

- Trong phiên họp có mặt của đại diện Ban Kế hoạch - Tài chính, đại diện đơn vị đối ứng phối hợp thực hiện Dự án, đại diện tổ chức ứng dụng kết quả của Dự án và đại diện đơn vị chủ trì Dự án.

4. Phiên họp Hội đồng

a) Thành phần tham dự phiên họp của Hội đồng: Thành viên Hội đồng, chủ nhiệm Dự án, đại diện đơn vị chủ trì, thư ký hành chính và khách mời;

b) Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

c) Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp; thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng;

d) Chủ nhiệm Dự án trình bày tóm tắt quá trình tổ chức, thực hiện Dự án; báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện Dự án;

e) Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm Dự án về kết quả và các vấn đề liên quan đến Dự án;

g) Các ủy viên phản biện đọc nhận xét, đánh giá kết quả Dự án, các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá trao đổi, thảo luận;

h) Chủ nhiệm Dự án và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của Hội đồng;

i) Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả theo hình thức bỏ phiếu (Mẫu số 39, Phụ lục). Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng được thể hiện trong (Mẫu số 41, Phụ lục). Căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại Dự án theo các mức:

- Xuất sắc: Điểm bình quân từ 85 đến 100 điểm;
- Khá: Điểm bình quân từ 70 đến dưới 85 điểm;
- Đạt: Điểm bình quân từ 50 đến dưới 70 điểm;
- Không đạt: Điểm bình quân dưới 50 điểm.

k) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm hai thành viên (Trưởng Ban kiểm phiếu là thư ký khoa học và một thành viên là thư ký hành chính), giúp Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá.

l) Kết quả đánh giá, nghiệm thu Dự án được ghi vào biên bản họp Hội

đồng nghiệm thu cấp Viện Hàn lâm (Mẫu số 40, Phụ lục).

m) Đại diện các cơ quan phát biểu ý kiến (nếu có).

5. Ý kiến kết luận của Hội đồng được Ban UD&TKCN gửi cho đơn vị chủ trì sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Điều 20. Xử lý kết quả nghiệm thu Dự án

1. Đối với Dự án được đánh giá kết quả từ “Đạt” trở lên, chủ nhiệm và đơn vị chủ trì Dự án có trách nhiệm:

a) Bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ Dự án theo kết luận của Hội đồng, lấy ý kiến Chủ tịch Hội đồng về việc hoàn thiện hồ sơ Dự án (Mẫu số 42, Phụ lục) và gửi về Ban UD&TKCN trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng, để thực hiện các thủ tục nghiệm thu kết quả Dự án;

b) Đề xuất phương án xử lý tài sản của Dự án theo quy định của Viện Hàn lâm trong thời gian 02 tháng kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu cấp Viện Hàn lâm.

2. Đối với Dự án bị đánh giá loại “Không đạt” tại các Hội đồng:

a) Hội đồng Tự đánh giá kết quả Dự án tại đơn vị chủ trì;

b) Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu Dự án cấp Viện Hàn lâm:

- Ban UD&TKCN phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính đề xuất với Chủ tịch Viện phương án xử lý đối với các Dự án không hoàn thành theo các quy định hiện hành:

+ Chủ nhiệm Dự án và đơn vị chủ trì báo cáo quá trình thực hiện Dự án bằng văn bản gửi tới Viện Hàn lâm qua Ban UD&TKCN;

+ Chủ tịch Viện ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá tiến trình thực hiện của Dự án gồm Chủ tịch hội đồng và các thành viên. Các thành viên là các cán bộ quản lý Dự án thuộc Ban UD&TKCN, Ban Kế hoạch - Tài chính và 01 phản biện thuộc Hội đồng đánh giá, nghiệm thu Dự án các cấp.

- Hội đồng có trách nhiệm xem xét, xác định những công việc đã thực hiện theo thuyết minh Dự án được phê duyệt và các hợp đồng thực hiện công việc có liên quan, làm rõ nguyên nhân “Không đạt” (chủ quan, khách quan) theo hồ sơ thực tế;

- Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành;

- Căn cứ vào ý kiến tư vấn của Hội đồng, Ban UD&TKCN đề xuất với Chủ tịch Viện ra Quyết định xử lý đối với các Dự án gồm: Xử lý phương án tài chính, tài sản của Dự án, chế tài đối với đơn vị quản lý và chủ nhiệm Dự án.

3. Công nhận kết quả và thanh lý Hợp đồng thực hiện Dự án

a) Công nhận kết quả:

- Hồ sơ công nhận kết quả Dự án bao gồm:
 - + Biên bản nghiệm thu Dự án cấp Viện Hàn lâm;
 - + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện Dự án theo quy định hiện hành;
 - + Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu;
 - + Báo cáo quyết toán tài chính Dự án của đơn vị chủ trì và của Đối tác;
 - + Báo cáo tổng hợp kết quả Dự án, các sản phẩm chính và Bản sao hợp đồng kèm thuyết minh Dự án (01 bản kèm file điện tử).
- Ban UD&TKCN trình Chủ tịch Viện quyết định công nhận kết quả thực hiện Dự án (Mẫu số 44, Phụ lục).

b) Xử lý tài sản Dự án:

- Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày họp Hội đồng nghiệm thu cấp Viện Hàn lâm (đối với các nhiệm vụ có kết quả đánh giá “Đạt” trở lên) hoặc Hội đồng đánh giá nhiệm vụ không hoàn thành, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm Dự án gửi hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản của Dự án và gửi về Viện Hàn lâm (qua Ban UD&TKCN) (Hồ sơ đề xuất xử lý tài sản theo hướng dẫn tại Công văn số 2876/VHL-KHTC ngày 30/12/2022 của Viện Hàn lâm);
- Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Viện Hàn lâm sẽ phê duyệt phương án xử lý tài sản của Dự án;
- Đơn vị chủ trì không gửi phương án xử lý tài sản của Dự án đúng hạn sẽ bị xử lý theo quy định của Viện Hàn lâm;
- Bàn giao tài sản: Trong 30 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt việc xử lý tài sản Dự án của Viện Hàn lâm, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm Dự án phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận tài sản thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định và báo cáo kết quả về Viện Hàn lâm theo đúng quy định của Viện Hàn lâm;
- Đơn vị chủ trì chậm thực hiện việc bàn giao tài sản và báo cáo kết quả bàn giao tài sản Dự án về Viện Hàn lâm sẽ bị xử lý theo quy định của Viện Hàn lâm;
- Thanh lý và bán tài sản: Thanh lý và bán tài sản sẽ được thực hiện theo quy định.

c) Thanh lý hợp đồng: Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch Viện ký Quyết định công nhận kết quả thực hiện Dự án và Quyết định phê duyệt việc xử lý tài sản của Dự án, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm Dự án có trách nhiệm nộp báo cáo kết quả về việc thực hiện bàn giao - tiếp nhận tài sản theo quy định về Viện Hàn lâm.

Hợp đồng thực hiện Dự án được thanh lý theo mẫu quy định của Viện Hàn lâm khi đã đầy đủ tài liệu đạt yêu cầu (Mẫu 45a, 45b, Phụ lục).

Điều 21. Quản lý và sử dụng sản phẩm của Dự án

1. Viện Hàn lâm giao các đơn vị chủ trì quản lý kết quả, sản phẩm của Dự án. Việc sử dụng các kết quả, sản phẩm của các Dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan của Nhà nước và của Viện Hàn lâm.

Kết quả nghiên cứu, sản phẩm của các Dự án quản lý theo chế độ mật được bảo mật theo các quy định của Nhà nước.

2. Để chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản phẩm ứng dụng của Dự án với tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi Dự án phải có đơn đề nghị của chủ nhiệm Dự án, công văn đề nghị của đơn vị chủ trì và được Viện Hàn lâm cho phép bằng văn bản.

3. Việc phân chia lợi nhuận của sản phẩm Dự án cho các bên tham gia thực hiện theo quy định của Viện Hàn lâm.

Điều 22. Quản lý tài chính Dự án

1. Quản lý tài chính đối với Dự án được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Viện Hàn lâm.

2. Riêng việc quyết toán, các đơn vị chủ trì thực hiện Dự án phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Quyết toán theo niên độ ngân sách năm: Có xác nhận của đơn vị chủ trì về kết quả thực hiện các nội dung trong năm;

b) Quyết toán khi Dự án kết thúc: Dự án chỉ được quyết toán khi đã được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên.

Chương V

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 23. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban UD&TKCN

1. Chủ trì việc tổ chức xác định Danh mục các Dự án; đơn vị giao trực tiếp chủ trì Dự án; ký hợp đồng thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát việc thực hiện Dự án; điều chỉnh hợp đồng; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện Dự án; xử lý theo thẩm quyền (trường hợp chấm dứt hợp đồng, Dự án nghiệm thu ở mức “Không đạt”,...).

2. Phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính thẩm định kinh phí, trình Chủ tịch Viện phê duyệt kinh phí của từng Dự án;

3. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng xác định nhiệm vụ; Hội đồng đánh giá nội dung thuyết minh Dự án; Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả Dự án;

4. Phối hợp với Ban Kế hoạch - Tài chính cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Dự án;

5. Hướng dẫn các văn bản pháp luật của nhà nước, các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý các Dự án một cách thống nhất;

6. Chủ trì và phối hợp với các bên liên quan chuyển giao kết quả nghiên cứu để ứng dụng vào thực tiễn;

7. Báo cáo Chủ tịch Viện về tình hình và kết quả thực hiện các Dự án;

8. Lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ thực hiện Dự án theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền hạn của Ban Kế hoạch - Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Ban UD&TKCN thẩm định kinh phí thực hiện Dự án trước khi trình Chủ tịch Viện phê duyệt thực hiện Dự án;

2. Chủ trì duyệt quyết toán hàng năm của Dự án (theo định kỳ của Viện Hàn lâm) phần NSNN từ Viện Hàn lâm và đánh giá phần kinh phí đối ứng của doanh nghiệp/tổ chức KH&CN tham gia phối hợp thực hiện Dự án;

3. Phối hợp với Ban UD&TKCN kiểm tra, giám sát việc thực hiện Dự án; điều chỉnh Hợp đồng (phần kinh phí) thực hiện Dự án;

4. Căn cứ vào dự toán ngân sách được phân bổ, trên cơ sở đề xuất của Ban UD&TKCN, tổng hợp và cân đối kinh phí trình Chủ tịch Viện phê duyệt bố trí kinh phí hàng năm theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của Trung tâm Thông tin - Tư liệu

1. Trung tâm Thông tin - Tư liệu chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Viện Hàn lâm và trước pháp luật trong việc quản lý hồ sơ nghiệm thu dự án;

2. Trung tâm Thông tin - Tư liệu có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ nghiệm thu dự án theo đúng quy định hiện hành của Viện Hàn lâm và pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của thành viên hội đồng:

1. Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng;

2. Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét, đánh giá từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá;

3. Không được cung cấp thông tin liên quan trong các phiên họp hội đồng.

Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị chủ trì Dự án

Đơn vị chủ trì Dự án chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Viện và trước pháp luật trong việc đăng ký, triển khai thực hiện Dự án.

1. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với chủ nhiệm dự án đảm bảo thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng KH&CN đã ký, huy động đủ các nguồn vốn như đã cam kết để thực hiện dự án; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ tiêu chuẩn, báo cáo tình hình sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

theo đúng quy định;

2. Ký hợp đồng thực hiện Dự án với Viện Hàn lâm; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với Chủ nhiệm Dự án và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của Dự án;

3. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Viện Hàn lâm và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm Dự án và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Dự án;

4. Được quyền điều chỉnh nội dung chi của từng hạng mục chi trong phần công việc không được giao khoán đảm bảo không làm thay đổi tổng kinh phí của hạng mục chi, đảm bảo hoàn thành mục tiêu và sản phẩm của dự án. Các điều chỉnh trên chi được triển khai sau khi có văn bản đồng thuận của Viện Hàn lâm;

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký;

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện Dự án theo hợp đồng đã ký với Viện Hàn lâm; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho Chủ nhiệm và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của Dự án; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Viện Hàn lâm, tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Dự án. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của Dự án;

8. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm Dự án hoàn thành các bước đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Dự án theo quy định này;

9. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu Dự án đúng thời hạn quy định;

10. Cùng chủ nhiệm Dự án phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện Dự án sau khi Dự án đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành;

11. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả Dự án theo quy định tại Mục a, khoản 4, Điều 20 Quy định này;

12. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của Dự án cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện Dự án trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

13. Tổ chức quản lý, khai thác các kết quả của Dự án, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật;

14. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Dự án theo quy định về bảo vệ bí mật của Nhà nước;

15. Kết quả của Dự án do đơn vị chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khác.

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị quản lý kinh phí

Cấp đúng, đủ và theo tiến độ kinh phí từ các nguồn đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của Dự án; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm Dự án

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của Dự án đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo hợp đồng đã ký;

2. Ký hợp đồng với đơn vị chủ trì Dự án, đảm bảo thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng KH&CN đã ký. Cùng với đơn vị chủ trì huy động đủ các nguồn vốn như đã cam kết để thực hiện dự án; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ tiêu chuẩn, báo cáo tình hình sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo đúng quy định;

3. Tổ chức thực hiện Dự án và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện Dự án theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với đơn vị chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của Dự án;

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện Dự án theo cam kết trong hợp đồng với đơn vị chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết;

5. Phối hợp với đơn vị chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện Dự án theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo theo khoản 1 Điều 14 và báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của Dự án với đơn vị chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết KH&CN và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với đơn vị chủ trì;

7. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu KH&CN. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm KH&CN và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu Dự án;

8. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

9. Cùng đơn vị chủ trì nhiệm vụ phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

Điều 30. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị tham gia góp vốn đối ứng

1. Đơn vị tham gia góp vốn đối ứng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì, chủ nhiệm dự án đảm bảo thực hiện các nội dung theo Hồ sơ thực hiện đã được phê duyệt, đảm bảo nguồn vốn như đã cam kết để thực hiện dự án; sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ tiêu chuẩn, thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

2. Phối hợp đơn vị chủ trì thực hiện chế độ báo cáo với Viện Hàn lâm, tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Dự án. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của Dự án;

3. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Dự án theo quy định về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những dự án có Quyết định phê duyệt triển khai trước ngày 01/01/2023 thì tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định quản lý các dự án Sản xuất Thử nghiệm cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2408/QĐ-VHL ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Điều 32. Điều khoản thi hành

1. Quy định này gồm 6 Chương, 32 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký và là cơ sở pháp lý cho việc xác định, phê duyệt, nghiệm thu và quản lý các Dự án Sản xuất thử nghiệm cấp Viện Hàn lâm.

2. Viện Hàn lâm giao Ban UD&TKCN hướng dẫn tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời (qua Ban UD&TKCN) để tổng hợp trình Chủ tịch Viện xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. //

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chu Hoàng Hà